

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ KONTUM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH KONTUM

Bản án số: 54/2020/HS-ST.

Ngày: 20/5/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sương và bà Chế Thị Mai.

Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2020/HSST ngày 19 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

A Th (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1987 tại tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện Ng, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 7/12; Dân tộc: Xơ Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Kh, sinh năm 1955 và bà Y Đ, sinh năm 1958; Bị cáo có vợ là Y G, sinh năm 1985 và 02 con; Lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án: Ngày 14/7/2017, A Th bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum xử phạt 09 tháng tù giam về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, chấp hành xong hình phạt ngày 04/01/2018 trở về địa phương sinh sống; Ngày 20/9/2018, A Th bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum xử phạt 08 tháng tù giam về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, chấp hành xong hình phạt ngày 02/02/2019 trở về địa phương sinh sống.

Về nhân thân: - Ngày 19/11/2019, A Th bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum xử phạt 10 tháng tù giam tại Bản án số 14/2019 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Ngày 13/01/2020, A Th bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum xử phạt 30 tháng tù giam tại Bản án số 01/2020 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Y Đo, sinh năm 1977.

Trú tại: Số 88 H, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1975;

Trú tại: Trú tại: Số 88 H, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

3. Anh A D, sinh năm 1992.

Trú tại: Thôn 7B, xã Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

4. Anh A Đ, sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông A N sinh năm 1966.

Trú tại: Thôn K, xã X, huyện L, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Tú Tr, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

3. Anh A Do, sinh năm 1985.

Trú tại: Số 80 Đ, thôn K, phường T, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

4. Ông Giao Tuấn H, sinh năm 1964.

Trú tại: Số 33 H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh A Đo, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn 7B, xã Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Chị Y Th, sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn K, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian tháng 5/2019 đến tháng 7/2019, A Th đã thực hiện bốn lần hành vi lừa đảo như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng cuối tháng 5/2019 (không nhớ ngày), A Th có mối quan hệ quen biết với chị Y Th và chị Y Đo. Quá trình quen biết, A Th tự giới thiệu với chị Y Đo và chị Y Th mình tên là Thắng, đang công tác tại Công an huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum. Khi biết chị Y Đo có xe mô tô nhãn hiệu Hon đa Click, màu đỏ đen, biển số 82K7-7802 nên A Th nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Khoảng 09 giờ ngày 28/5/2019, A Th đi bộ đến phòng trọ của chị Y Đo tại địa chỉ số 88 Hoàng Thị Loan, thành phố Kon Tum nói với chị Y Đo cho A Th mượn xe mô tô biển số 82K7-7802 của chị Y Đo để đi công việc. Tin tưởng A Th làm Công an nên chị Y Đo đã cho A Th mượn chiếc xe mô tô trên. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe mô tô của chị Y Đo, A Th điều khiển xe đến nhà của anh A Do nói A Do cho A Th vay 1.500.000 đồng (*một triệu*

năm trăm nghìn đồng) và để lại xe mô tô trên ở nhà anh A Do làm tin, khi nào A Th trả tiền sẽ lấy lại xe. Anh A Do đồng ý, đưa tiền cho A Th và giữ chiếc xe mô tô trên ở nhà mình. Số tiền trên A Th đã tiêu sài cá nhân hết.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum đã thu giữ chiếc xe mô tô trên.

Tại Bản kết luận định giá số 92/ĐG - TS ngày 24/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Kon Tum, kết luận: Xe mô tô BKS 82K7- 7802 nhãn hiệu nhãn hiệu Hon da Click, màu đỏ - đen, mua tháng 7/2011 tính đến thời điểm bị chiếm đoạt là 4.396.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Lần thứ hai: Thông qua mối quan hệ quen biết, A Th cũng tự giới thiệu mình tên là Thắng, đang công tác tại Công an huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum với chị Nguyễn Thị D. Khi biết chị D có một chiếc máy nhãn hiệu DETECH, màu đen trắng, biển số 82MA-001.65, nên A Th nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu sài. Khoảng 8 giờ ngày 30/5/2019, A Th đến phòng trọ của chị Nguyễn Thị D tại số 88 Hoàng Thị Loan, thành phố Kon Tum nói với chị D cho A Th mượn xe máy biển số 82MA-001.65 của chị D đi tham dự phiên tòa xét xử một người em của A Th. Tin tưởng A Th làm Công an nên chị D đã cho A Th mượn xe máy của mình. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe mô tô của chị D, A Th điều khiển xe máy trên đến huyện Đăk Lei, tỉnh Kon Tum và bán cho ông A N với số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Số tiền trên A Th đã tiêu sài cá nhân hết.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum đã thu giữ chiếc xe mô tô trên.

Tại Bản kết luận định giá số 92/ĐG - TS ngày 24/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Kon Tum, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu DETECH, màu đen trắng, biển số 82MA-001.65, mua tháng 8/2013 tính đến thời điểm bị chiếm đoạt là 5.127.000 đồng (*Năm triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

Lần thứ ba: Khoảng 7 giờ ngày 12/7/2019, A Th bắt xe khách từ huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum xuống Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum, phường Quang Trung, thành phố Kon Tum. Tại đây, A Th làm quen với anh A D (trú tại thôn 7B, xã Đăk Ui, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum), A Th giới thiệu với anh D là A Th đang công tác tại Công an thành phố Kon Tum và đến Bệnh viện để thăm chị gái của mẹ đang nằm viện. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, A Th nhờ anh D lấy xe mô tô chở mình lên Công an thành phố Kon Tum để làm việc, anh D đồng ý. Sau đó, A Th nói với anh D để cho A Th điều khiển xe vì A Th làm Công an nên điều khiển xe sẽ an toàn hơn, nghe A Th nói vậy anh D giao cho A Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 82B1-561.57 mượn của anh A Do (trú tại thôn 7B, xã Đăk Ui, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum) chở anh D ngồi sau. Khi đi đến vòng xoay ngã tư đường Duy Tân, Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum thì A Th dừng xe lại và nói anh D xuống xe đứng đợi để A Th mượn xe

đi mua cháo, anh D nghe vậy nên xuống xe đứng đợi. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của anh A D, A Th điều khiển xe mô tô chạy thẳng lên thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Khi đi đến đoạn đường đi vào Trung tâm y tế huyện Đắk Hà thì A Th bán chiếc xe trên cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch, làm nghề thu mua phế liệu dạo với giá 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*). Số tiền trên A Th đã tiêu xài cá nhân hết.

Hiện, cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum chưa thu giữ được xe mô tô trên.

Tại bản kết luận định giá số :92/ĐG-TS ngày 24/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS, kết luận: giá trị của 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 82B1-561.57 mua vào tháng 11/2017 tính đến thời điểm bị chiếm đoạt là: 12.510.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm mười nghìn đồng*).

Lần thứ 4:

Vào 10h sáng ngày 28/7/2019, A Th tiếp tục đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum, phường Quang Trung, thành phố Kon Tum. Tại đây, A Th làm quen với anh A Đ (trú tại thôn Khúc Na, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum), A Th nói với anh A Đ là đến bệnh viện để chăm vợ mới sinh. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, A Th nhờ anh A Đ lấy xe mô tô chở mình đi rút tiền tại trụ ATM thì A Đ đồng ý. Sau đó, A Th nói với anh A Đ để cho A Th điều khiển xe vì A Th biết chỗ có trụ ATM, nghe A Th nói vậy anh A Đ giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xanh, biển số 82K7-1413 cho A Th điều khiển chở anh A Đ ngồi sau. Khi đi đến quán cơm 252 Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, TP Kon Tum, A Th dừng xe lại và nói anh A Đ xuống xe vào quán mua cơm để A Th điều khiển xe để đi mua cháo. Anh A Đ nghe vậy thì xuống xe vào quán mua cơm, còn A Th điều khiển xe chạy thẳng lên thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum. Tại đây, A Th cầm cố chiếc xe mô tô trên cho ông Giao Tuấn H – Là chủ tiệm cầm đồ tại số 33 Hùng Vương, thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum lấy 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Sau ba ngày, A Th quay lại tiệm cầm đồ nói với ông H đưa thêm tiền và ông H đồng ý đưa thêm cho A Th 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Khoảng 01 (Một) tuần sau, ông H đã bán chiếc xe trên cho một người đàn ông tên H1 (*Không rõ nhân thân, lai lịch*) ở huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum với giá 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*). Số tiền bán xe được A Th đã tiêu xài cá nhân hết.

Hiện, cơ quan CSĐT Công an TP Kon Tum chưa thu giữ được xe mô tô trên.

Tại bản kết luận định giá số: 114/ĐG-TS ngày 22/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự, kết luận: Giá trị của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xanh, biển số 82K7-1413 tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 6.440.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sản mà A Th chiếm đoạt được là:

$4.396.000 + 5.127.000 + 12.510.000 + 6.440.000 = 28.473.000$ đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

- Vật chứng của vụ án:

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Y Đo xe mô tô nhãn hiệu Honda Click, màu đỏ đen, biển số 82K7-7802; Trả lại chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị Tú Tr (Là con của chị Nguyễn Thị D) xe máy nhãn hiệu DETECH, màu đen trắng, biển số 82MA-001.65.

Đối với xe mô tô BKS 82B1-651.57 và 82K7-1413 A Th chiếm đoạt của anh A D và anh A Đ chưa thu giữ được, cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum đã ra thông báo truy tìm vật chứng đối với hai xe mô tô trên và sẽ tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh A D và anh A Đ yêu cầu bị cáo A Th phải bồi thường thiệt hại về tài sản mà A Th đã chiếm đoạt. Bị hại chị Y Đo và chị Nguyễn Thị D sau khi đã nhận lại tài sản thì không có yêu cầu gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 34/CT -VKSTPKT ngày 18/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo A Th về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo A Th phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A Th từ 30 đến 36 tháng tù

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo A Th nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến

về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi truy tố bị cáo: Trên cơ sở lời khai của bị cáo, bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

Trong thời gian từ ngày 28/5/2019 đến ngày 28/7/2019 trên địa bàn thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, A Th đã có hành vi gian dối nói mình là Công an để thực hiện 04 lần hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Y Do, chị Nguyễn Thị D, anh A D và anh A Đ. Tổng giá trị tài sản A Th đã chiếm đoạt của chị Y Do, chị Nguyễn Thị D, anh A D và anh A Đ có giá trị 28.473.000 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

Bị cáo A Th đã có 02 tiền án đều về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, sau khi chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 02/02/2019 trở về địa phương sinh sống, nhưng A Th không chịu kiểm điểm làm để có thu nhập nuôi sống bản thân. Để có tiền tiêu sài phục vụ cho mục đích cá nhân, từ tháng 5/2019 đến tháng 8/2019 A Th đã thực hiện 06 lần “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” (Tại thành phố Kon Tum 04 lần, thời gian từ ngày 28/5/2019 đến ngày 28/7/2019; Tại huyện Đăk Glei 01 lần vào tháng 6/2019; Tại huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum 01 lần vào tháng 8/2019). Bản thân bị cáo A Th không có nghề nghiệp gì, đã cố ý phạm tội từ năm lần trở lên đều về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, các lần phạm tội A Th đều lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính để nuôi sống bản thân. Do đó, hành vi phạm tội của A Th đã phạm vào tình tiết định khung “*Có tính chất chuyên nghiệp*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đối với tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*”, thì tại Bản án số 09/2018/HS-ST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum xét xử về hành vi lừa đảo của A Th chiếm đoạt số tiền 350.000 đồng thuộc điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, không thuộc trường hợp tái phạm. Nên hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của bị cáo từ ngày 28/5/2019 đến ngày 28/7/2019 không thuộc tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*”.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:

Hành vi của bị cáo A Th là nguy hiểm cho xã hội, chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện bốn lần lừa đảo để chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị tài sản là 28.473.000 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo thể hiện sự mạnh động, liều lĩnh, coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội bị cáo A Th đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân về mặt tài sản, gây mất trật tự trị an trên địa bàn nơi xảy ra tội phạm. Do đó, cần xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo để răn đe và phòng ngừa đối với loại tội phạm này xảy ra trên địa bàn thành phố Kon Tum.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo A Th đã thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản 04 lần. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Cha mẹ của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bị hại anh A D xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về nhân thân: Tại bản án số 14/2019/HS-ST, ngày 19/11/2019, A Th bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum xử phạt 10 tháng tù giam về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tại bản án số 01/2020/HS-ST, ngày 13/01/2020, A Th bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum xử phạt 30 tháng tù giam về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách, giảm nhẹ nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo tự giác lao động, cải tạo, học tập trở thành công dân có ích cho xã hội, biết tuân thủ pháp luật.

Do bị cáo đang chấp hành án đối với bản án số 01/2020/HS-ST, ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” còn có thể xử phạt bổ sung bằng tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp gì, nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

Đối với anh A Do và ông A N do không biết được xe mô tô mà bị cáo A Th gửi giữ và bán do phạm tội mà có, nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum không xử lý đối với anh A D và ông A N là có căn cứ. Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với ông Giao Tuấn H, người đã nhận cầm cố xe của A Th, mặc dù không biết đây là tài sản do A Thu phạm tội mà có, nhưng hành vi của ông H đã phạm vào điểm e, khoản 2, Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ/CP ngày 12/11/2013: “*Cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố*”. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Giao Tuấn H là có căn cứ. Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với người đàn ông mà A Th đã bán chiếc xe mô tô BKS 82B1 – 561.57 và người đàn ông mà ông Giao Tuấn H đã bán chiếc xe mô tô BKS 82K7 – 1413. Hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch, cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum tiếp tục xác minh và đưa ra hình thức xử lý sau.

[6] Về các vấn đề khác:

Về trách nhiệm dân sự: Anh A D yêu cầu bị cáo A Th phải bồi thường trị giá chiếc xe máy là 12.510.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm mười nghìn đồng*), anh A Đ yêu cầu bị cáo A Th phải bồi thường trị giá chiếc xe máy là 6.440.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*). Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo A Th bồi thường thiệt hại về tài sản mà anh A D và anh A Đ yêu cầu.

Ông A N yêu cầu bị cáo trả lại 2.000.000 đồng. Xét thấy ông A N do không biết được xe mô tô mà bị cáo A Th bán do phạm tội mà có và đã đưa tiền cho bị cáo, nên cần buộc bị cáo trả lại số tiền trên cho ông A N.

Chị Y Do và chị Nguyễn Thị D đã nhận lại tài sản; Tài sản của chị D trả cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị Tú Tr - Con của chị Nguyễn Thị D và không có yêu cầu gì; anh A Do không yêu cầu bị cáo A Th trả lại số tiền 1.500.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh A Do không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không đề cập đến

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) mà ông Giao Tuấn H có lời từ việc bán xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xanh, biển số 82K7-1413 mà bị cáo A Th đã cầm đồ cho ông H. Xét đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có, nên buộc ông Giao Tuấn H phải nộp lại tại Chi cục Thi hành án dân sự, thành phố Kon Tum để sung vào ngân sách Nhà Nước.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) mà anh A Do đưa cho bị cáo A Th khi bị cáo để xe mô tô đã chiếm đoạt được của chị Y Do cho anh A Do để làm tin. Anh A Do không yêu cầu bị cáo A Th trả lại. Xét đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có, nên buộc bị cáo A Th phải nộp lại tại Chi cục Thi hành án dân sự, thành phố Kon Tum để sung quỹ Nhà Nước.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo A Th phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo A Th (Tên gọi khác: Không) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo A Th 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 40 (*Bốn mươi*) tháng tù của Bản án số 01/2020/HS-ST ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum, buộc bị cáo A Th phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 76 (*Bảy mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 15/8/2019.

1. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 579, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo A Th phải bồi thường cho anh A D số tiền 12.510.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm mười nghìn đồng*).

Buộc bị cáo A Th phải bồi thường cho anh A Đ số tiền 6.440.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Buộc bị cáo A Th phải hoàn trả cho ông A N số tiền 2.000.000 (*Hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Buộc ông Giao Tuấn H phải sung vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000 (*Năm trăm nghìn*) đồng tiền thu lợi bất chính, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Buộc bị cáo A Th phải sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng tiền thu lợi bất chính, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo A Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo A Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.047.500 đồng (*Một triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Bị cáo, bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSNDTP;
- Công an TP;
- Thi hành án dân sự TP;
- Bị cáo;
- Bị hại;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.